

THẨM QUYỀN CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI TRONG VIỆC XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, CÁ NHÂN Ở TRUNG ƯƠNG BAN HÀNH

Cao Vũ Minh*

*TS. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Văn bản quy phạm pháp luật, thẩm quyền của Quốc hội.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 28/5/2021
Biên tập : 08/6/2021
Duyệt bài : 12/6/2021

Article Information:

Keywords: Legal documents, authority of the National Assembly.

Article History:

Received : 28 May 2021
Edited : 08 Jun 2021
Approved : 12 Jun 2021

Tóm tắt:

Theo quy định của pháp luật, khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì phải bảo đảm tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật. Vấn đề có tính thực tiễn đặt ra là xử lý như thế nào đối với những văn bản quy phạm pháp luật có khiếm khuyết vì không tuân thủ yêu cầu của tính hợp pháp và tính hợp lý. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc xử lý văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước, cá nhân ở Trung ương ban hành, đồng thời đề xuất hướng hoàn thiện.

Abstract:

According to the law, when promulgating legal documents, the legality and consistency of legal documents must be ensured by the legal system. The practical problem is how to handle legal documents with defects because they do not comply with the requirements of legitimacy and rationality. Within the scope of this article, the author provides analysis of the authority of the National Assembly and Standing Committee of the National Assembly in handling legal documents promulgated by central state agencies and individuals, and also proposes recommendations for further improvements.

1. Xử lý văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước, cá nhân ở Trung ương ban hành

1.1. Thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc xử lý văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước, cá nhân ở Trung ương ban hành

Về mặt lý luận, văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) là văn bản do cơ quan nhà nước hoặc cá nhân của cơ quan nhà nước ban hành hoặc phối hợp ban hành theo thẩm

quyền, hình thức, thủ tục luật định, trong đó có chứa quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội phù hợp với ý chí nhà nước và được Nhà nước bảo đảm thực hiện¹. VBQPPL có thể do cơ quan nhà nước, cá nhân ở Trung ương hoặc ở địa phương ban hành. VBQPPL một khi được ban hành chỉ có thể trở thành bộ phận hữu cơ của cơ chế điều chỉnh pháp luật khi nội dung lẫn hình thức của chúng bảo đảm cả tính hợp pháp và tính hợp lý². Vấn đề có

¹ Nguyễn Cửu Việt, “Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật (tiếp theo) và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 51, năm 2005.

² Cao Vũ Minh, “Tính hợp pháp và tính hợp lý trong quyết định quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 7, năm 2010.

tính thực tiễn quan trọng đặt ra là xử lý như thế nào đối với những văn bản quy phạm pháp có khiếm khuyết vì không tuân thủ yêu cầu của tính hợp pháp và tính hợp lý.

Pháp luật hiện hành quy định các biện pháp xử lý khiếm khuyết của VBQPPL như sau: *đình chỉ, sửa đổi, bãi bỏ* VBQPPL³. Đình chỉ thi hành một VBQPPL là biện pháp nhằm ngăn chặn ngay khả năng tiếp tục gây ra những ảnh hưởng xấu của nó. Về nguyên tắc, khi áp dụng quyền “đình chỉ” thì VBQPPL vẫn còn tồn tại. VBQPPL bị đình chỉ thì ngừng hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định bãi bỏ thì quyết định đó hết hiệu lực, nếu không bãi bỏ thì quyết định tiếp tục có hiệu lực. Như vậy, bãi bỏ VBQPPL là chế tài nghiêm khắc nhất, dứt khoát nhất và rõ ràng nhất. Trong khi đó, sửa đổi VBQPPL là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra một quyết định khác để làm thay đổi tên quyết định hoặc thay đổi một phần nội dung trong khi vẫn giữ nguyên hiệu lực pháp lý của VBQPPL bị sửa đổi. Sửa đổi VBQPPL đã ban hành được áp dụng trong trường hợp chủ thể có thẩm quyền tự sửa đổi quyết định của mình. Tuy nhiên, trường hợp này không thể xem là chế tài pháp lý. Ngoài ra, Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020 (Luật Ban hành VBQPPL) còn sử dụng thuật ngữ “*bổ sung*”, “*thay thế*”. Tuy nhiên, thuật ngữ “*bổ sung*”, “*thay thế*” không có nội dung pháp lý mới, vì nó được bao hàm trong quyền ban hành văn bản: ban hành một văn bản hay một số quy phạm có thể để “*bổ sung*”, “*thay thế*” văn bản, quy phạm cũ⁴.

Theo quy định của Hiến pháp năm 2013, Quốc hội bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước,

Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH), Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội (khoản 10 Điều 70). UBTVQH đình chỉ việc thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc bãi bỏ văn bản đó tại kỳ họp gần nhất; bãi bỏ văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH (khoản 4 Điều 74).

Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013, Điều 15 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020 (Luật Tổ chức Quốc hội) quy định: “1. Quốc hội bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan khác do Quốc hội thành lập trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội theo đề nghị của UBTVQH; 2. Quốc hội bãi bỏ văn bản của UBTVQH trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội theo đề nghị của Chủ tịch nước”; Điều 51 quy định UBTVQH đình chỉ hoặc theo đề nghị của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc đại biểu Quốc hội đình chỉ việc thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan khác do Quốc hội thành lập trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc bãi bỏ văn bản đó tại kỳ họp gần nhất. UBTVQH bãi bỏ hoặc theo đề nghị của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc đại biểu Quốc hội bãi bỏ văn bản của Chính

³ Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020.

⁴ Nguyễn Cửu Việt, “*Các yếu tố cấu thành thẩm quyền và tính hệ thống của thẩm quyền*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 9, năm 2005.

phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *cơ quan khác do Quốc hội thành lập* trái với pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH.

Như vậy, so với khoản 10 Điều 70 Hiến pháp năm 2013, Điều 15 Luật Tổ chức Quốc hội đã bổ sung thêm thẩm quyền của Quốc hội trong việc bãi bỏ văn bản của *cơ quan khác do Quốc hội thành lập* trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội. Tương tự, so với khoản 4 Điều 74 Hiến pháp năm 2013, Điều 51 Luật Tổ chức Quốc hội đã bổ sung thêm thẩm quyền của UBTVQH trong việc đình chỉ văn bản của *cơ quan khác do Quốc hội thành lập* trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và bãi bỏ văn bản của *cơ quan khác do Quốc hội thành lập* trái với pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH.

Theo quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Quốc hội, *các cơ quan khác do Quốc hội thành lập* bao gồm: bộ, cơ quan ngang bộ; Kiểm toán nhà nước; Hội đồng bầu cử quốc gia; Ủy ban lâm thời; Ủy ban dự thảo Hiến pháp. Trong *các cơ quan khác do Quốc hội thành lập* nêu trên, người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ), Kiểm toán nhà nước (Tổng Kiểm toán nhà nước) có thẩm quyền ban hành VBQPPL⁵. Nếu VBQPPL của do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên sẽ bị Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ⁶. Theo khoản 2 Điều 164

Luật Ban hành VBQPPL, Quốc hội bãi bỏ VBQPPL của Chủ tịch nước, UBTVQH, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội. Khoản 3 Điều 164 quy định UBTVQH đình chỉ việc thi hành VBQPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc bãi bỏ văn bản đó tại kỳ họp gần nhất. UBTVQH bãi bỏ VBQPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước trái với pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH.

Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 không quy định thẩm quyền xử lý (đình chỉ, bãi bỏ) của Quốc hội và UBTVQH đối với các văn bản liên tịch như nghị quyết liên tịch, thông tư liên tịch trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH. Vấn đề này được điều chỉnh bởi Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân (HĐND) năm 2015. Tuy nhiên, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND lại

⁵ Khoản 7 Điều 70 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán Nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập*”. Do đó, có thể khẳng định, “*cơ quan khác do Quốc hội thành lập*” và “*người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập*” là hai khái niệm khác nhau và không thể đồng nhất.

⁶ Khoản 4 Điều 98 Hiến pháp năm 2013 và khoản 8 Điều 28 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2019 đều quy định: “*Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên*”.

không quy định thẩm quyền của Quốc hội và UBTVQH trong việc xử lý thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, **Tổng Kiểm toán nhà nước**, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ nêu văn bản này trái Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

1.2. Thủ tục xử lý VBQPPL do cơ quan nhà nước, cá nhân ở Trung ương ban hành trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH

Theo quy định của khoản 2 Điều 14 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, Quốc hội xem xét VBQPPL có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội khi được UBTVQH hoặc Chủ tịch nước đề nghị. Cụ thể, UBTVQH hoặc Chủ tịch nước sẽ trình bày tờ trình. Sau đó, đại diện cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra. Người đứng đầu cơ quan đã ban hành VBQPPL có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội sẽ báo cáo, giải trình. Sau đó, Quốc hội thảo luận và ra nghị quyết về việc xem xét VBQPPL có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết. Trường hợp khẳng định VBQPPL đó trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội thì Quốc hội sẽ bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

Cũng theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, UBTVQH sẽ *tự mình xem xét* khi phát hiện VBQPPL có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH. Ngoài ra, việc xem xét VBQPPL của UBTVQH còn phát sinh theo đề nghị của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan Trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận. Cụ thể, đại diện cơ quan,

tổ chức, cá nhân có đề nghị trình bày. Sau đó, đại diện cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra. Người đứng đầu cơ quan, cá nhân đã ban hành VBQPPL có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH báo cáo, giải trình về vấn đề có liên quan. UBTVQH thảo luận và ra nghị quyết về việc xem xét VBQPPL. Trường hợp xác định VBQPPL trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH thì UBTVQH quyết định đình chỉ việc thi hành và trình Quốc hội quyết định việc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp văn bản trái pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH thì UBTVQH bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

2. Bất cập trong quy định của pháp luật về xử lý văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước, cá nhân ở Trung ương ban hành

Thứ nhất, quy định về xử lý VBQPPL do cơ quan nhà nước, cá nhân ở Trung ương ban hành trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH còn tản mạn, chưa đầy đủ.

Như đã đề cập ở trên, có nhiều văn bản luật quy định về vấn đề xử lý VBQPPL trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật hiện hành không quy định chủ thể nào có thẩm quyền đình chỉ, bãi bỏ “*Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ*” trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH cho dù Điều 26 Luật Ban hành VBQPPL quy định: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng

cơ quan ngang bộ ban hành thông tư liên tịch đề quy định về việc phối hợp của các cơ quan này trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng và phòng, chống tham nhũng. Vì vậy, trường hợp thông tư liên tịch này có dấu hiệu trái Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH thì sẽ không có cơ sở để xử lý.

Thứ hai, thủ tục xử lý đối với VBQPPL do cơ quan nhà nước, cá nhân ở Trung ương ban hành trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH còn phức tạp.

Khi phát hiện VBQPPL trái với Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị quyết, UBTVQH sẽ tự mình đình chỉ, bãi bỏ VBQPPL này. Trong trường hợp này, UBTVQH tự khởi xướng việc xử lý VBQPPL trái với Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị quyết. Ngoài ra, có những trường hợp UBTVQH không phát hiện thì việc đình chỉ, bãi bỏ VBQPPL dựa trên quyền đề nghị của những chủ thể có thẩm quyền. Trong trường hợp thứ nhất, quyền tự chủ thuộc về UBTVQH. Trong khi đó, trường hợp thứ hai lại phụ thuộc vào quyền đề nghị của chủ thể khác. Không giống như UBTVQH, Quốc hội bãi bỏ VBQPPL có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội khi được UBTVQH hoặc Chủ tịch nước đề nghị. Nói cách khác, việc bãi bỏ VBQPPL có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội lại không phải là một nội dung thuộc quyền chủ động hoàn toàn của Quốc hội. Theo cách này thì quyền bãi bỏ VBQPPL của Quốc hội chỉ được khởi xướng khi có đề nghị của một trong hai chủ thể là UBTVQH hoặc Chủ tịch nước.

Điều 14 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND quy định, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà

nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan Trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc đại biểu Quốc hội có quyền gửi đề nghị về VBQPPL có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội đến UBTVQH để trình Quốc hội xem xét, quyết định. Trường hợp pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH, nghị quyết liên tịch giữa UBTVQH với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội thì Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan Trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc đại biểu Quốc hội có quyền gửi đề nghị đến Chủ tịch nước để trình Quốc hội xem xét, quyết định. Như vậy, trước khi UBTVQH hoặc Chủ tịch nước chính thức trình Quốc hội xem xét VBQPPL có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội thì cũng phải có một chủ thể có thẩm quyền gửi đề nghị đến UBTVQH hoặc Chủ tịch nước. Có lẽ vì hệ thống hai tầng “đề nghị” nên quyền bãi bỏ văn bản của Quốc hội trở nên quá xa vời. Thực tế là cho đến nay, Quốc hội chưa lần nào bãi bỏ VBQPPL trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.

Bên cạnh đó, một câu hỏi được đặt ra là trường hợp chủ thể có thẩm quyền (Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan Trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc đại biểu Quốc hội...) “gửi đề nghị” VBQPPL có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội nhưng người có thẩm quyền kiến nghị là UBTVQH hoặc Chủ tịch nước lại không “nhận thấy” mâu thuẫn và không tiến hành “đề nghị chính thức” thì giải quyết như thế nào? Trong trường hợp này, vấn đề “đề nghị

chính thức” sẽ không được tiến hành hay vẫn có cơ chế giải quyết đặc thù khác? Các quy định trong pháp luật hiện hành chưa trả lời câu hỏi này.

3. Hoàn thiện quy định của pháp luật về xử lý văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền ở Trung ương ban hành

Thứ nhất, thống nhất điều chỉnh việc xử lý VBQPPL của cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền ở Trung ương ban hành trong một văn bản luật nhằm khắc phục tình trạng tản mạn cơ sở pháp lý.

Như đã trình bày, hiện nay, việc xử lý VBQPPL khiếm khuyết được điều chỉnh trong nhiều văn bản luật dẫn đến thực trạng là khi phát sinh VBQPPL cần xử lý thì Quốc hội, UBTVQH phải căn cứ vào các văn bản khác nhau. Vì vậy, vấn đề cần thiết đặt ra là cần thống nhất điều chỉnh việc xử lý VBQPPL trong một văn bản luật cụ thể. Theo tác giả, Luật Ban hành VBQPPL được xem là “luật của luật”, là cơ sở pháp lý cho việc ban hành, xử lý VBQPPL của Việt Nam; vì vậy, cần thống nhất điều chỉnh việc xử lý VBQPPL của cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền ở Trung ương ban hành vào văn bản này.

Thứ hai, bổ sung thẩm quyền xử lý VBQPPL do cơ quan nhà nước, cá nhân ở Trung ương ban hành trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH.

Để khắc phục bất cập về thẩm quyền xử lý VBQPPL do cơ quan nhà nước, cá nhân ở Trung ương ban hành trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH, tác giả cho rằng, cần sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 164

Luật Ban hành VBQPPL theo hướng bổ sung thẩm quyền của Quốc hội bãi bỏ thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; bổ sung thẩm quyền của UBTVQH đình chỉ thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc bãi bỏ, bãi bỏ thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trái với pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH.

Thứ ba, trong thời gian tới chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng: “Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tình hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền”⁷ và “xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp”⁸. Bời lẽ, hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội mang tính chất chính trị vĩ mô và khác xa với việc phán quyết về tính hợp pháp trong VBQPPL của các cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền ở Trung ương ban hành - một hoạt động vốn mang tính chất chính trị - pháp lý - kỹ thuật vi mô⁹. Do đó, không nên đặt Quốc hội, cơ quan quyết định chính sách vĩ mô, vào vị trí cơ quan tài phán xem xét về tính hợp pháp trong VBQPPL ■

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2006, tr. 126.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2006, tr. 127.

⁹ Trần Ngọc Đường, “Một số suy nghĩ về nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 7, năm 2009.